TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST Ngày: 12-01-2018 *"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải

Ông Đoàn Trung Hiếu

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 557/2017/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2017, "V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Thị R, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 82, đường Đ, Tổ 1, Khóm 1, Phường 1, thành phố L, tỉnh T.

Bị đơn: Phạm Văn H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 82, đường Đ, Tổ 1, Khóm 1, Phường 1, thành phố L, tỉnh T.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Phạm Ngọc R trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị R và ông Phạm Văn H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1989, không đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Năm 2012 ông H thay đổi tính tình thường xuyên nhậu, chửi và đánh bà R nhiều lần, ông H không có trách nhiệm với gia đình, bà R góp ý xây dựng với ông H nhiều lần nhưng ông H không thay đổi. Nhiều lần bà R và ông H hòa giải với nhau nhưng không hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, bà Phạm Thị R yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn H.

Con chung: Bà Phạm Thị R và ông Phạm Văn H có 02 con chung tên Phạm Thị K, sinh năm 1990 và Phạm Văn S, sinh năm 1995. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Phạm Văn H trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị R sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1989, không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn. Nay, ông Phạm Văn H đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị R.

Con chung: Ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị R có 02 con chung tên Phạm Thị K, sinh năm 1990 và Phạm Văn S, sinh năm 1995. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị R và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn. Bị đơn Phạm Văn H có địa chỉ tại Phường 1, thành phố L, tỉnh T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của bà Phạm Thị R và ông Phạm Văn H được xác lập vào năm 1989, do ông bà tự nguyện và thừa nhận sống chung với nhau như vợ chồng, ông bà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn của ông bà để cho hay không cho ly hôn mà Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Phạm Thị R và ông Phạm Văn H để làm cơ sở chấm dứt quan hệ chung sống như vợ chồng của ông bà.

[3] Xét con chung: Bà Phạm Thị R và ông Phạm Văn H có có 02 con chung tên Phạm Thị K, sinh năm 1990 và Phạm Văn S, sinh năm 1995. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét tài sản chung: Bà R và ông H thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Nợ chung: Bà R và ông H thống nhất không có nợ ai và không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Bà Phạm Thị R phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Phạm Văn H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị R và ông Phạm Văn H.

Con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Bà Phạm Thị R phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000086 ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh T. Như vậy, bà Phạm Thị R đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Phạm Văn H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Chi cục THA.DS TPL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Liên